TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X - T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày: 12-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hưởng

Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X - T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Hữu P, tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/01/2000, tại Thành phố H; nơi cư trú: Liên khu EE, phường Z, quận B, Thành phố H (nay là Liên khu EE, khu phố XYZ, phường B, Thành phố H); nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn L và bà Huỳnh Thị S; chưa vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/3/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực III thuộc Trại Tạm giam số 2, Công an tỉnh T. Có mặt

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: khu phố Đ, xã T, tỉnh A

2. Nguyễn Thanh S, sinh năm 1974. Địa chỉ: số ZZ, khu phố Y, phường T, tỉnh T

3. Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trần Trung G, sinh năm 1994. Địa chỉ: 167, Liên khu EE phường Z, quận B, Thành phố H

2. Dương Văn H, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Nguyễn Thành L, sinh năm 2000. Địa chỉ: YYY, L, phường H, quận T,

Thành phố H

4. Huỳnh Lê Cẩm T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Liên khu EE, khu phố 33, phường B, Thành phố H

(Tất cả bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2021, Huỳnh Hữu P, Trần Trung G, Dương Văn H và Nguyễn Thành L là bạn bè quen biết ngoài xã hội, do cần tiền tiêu xài nên cả 04 người bàn bạc, thỏa thuận thống nhất với nhau đi cướp giật dây chuyền vàng của những người đi đường trên địa bàn huyện B, tỉnh L để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Phương tiện sử dụng để cướp giật tài sản là 02 xe mô tô loại Exciter (không rõ biển số) của G, của P và 01 xe mô tô loại Vario của L. G, P, L thường xuyên thay đổi màu xe và gắn biển số giả nhằm tránh sự phát hiện của lực lượng Công an. Khi đi cướp giật tài sản G và L điều khiển xe chạy đi một mình, H điều khiển xe chở P, đồng thời G chuẩn bị 01 bình xịt hơi cay và 01 con dao bấm để sử dụng khi bị người bị hại phản kháng lại hoặc đuổi theo. Sau khi cướp giật được dây chuyền thì H và P hoặc L đem đến các tiệm vàng ở quận B, Thành phố H (TP.H) bán lấy tiền về đưa cho G. G trực tiếp chia tiền cho H, P, L để tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra, xác định P cùng G, H, L thực hiện 03 vụ giật dây chuyền vàng của Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Phú P với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 126.215.960đ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06 giờ ngày 21/11/2021, G điện thoại rủ H, P và L đi cướp giật tài sản và hẹn gặp nhau trên đường Võ Văn V thuộc xã VL, huyện B. G điều khiển xe môtô loại Exciter (không nhớ biển số) đi một mình, đem theo 01 bình xịt hơi cay và 01 con dao bấm, H điều khiển xe môtô loại Exciter (xe của P, không nhớ biển số) chở P, L điều khiển xe môtô loại Vario màu xanh (không nhớ biển số) đi một mình. G dẫn đường đi theo đường Tỉnh lộ 10 thuộc huyện B, TP.H rẽ vào đường Tỉnh ABC hướng về huyện B. Khi đi đến ấp Thanh Hiệp, xã T, huyện B (nay là ấp Thanh Hiệp T, xã B, tỉnh T) G thấy anh Nguyễn Văn B điều khiển xe môtô loại Wave biển số 68G1-481.22 đang chạy cùng chiều chở anh Nguyễn Văn T phía sau, trên cổ anh T có đeo sợi dây chuyền trọng lượng 12,6 chỉ vàng 18K. G liền vượt lên áp sát bên tay phải cùng chiều anh T, G dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền vàng rồi tăng ga chạy thoát, L chạy theo sau truy hô nhằm đánh lạc hướng anh T. G, H, P và L chạy thoát về TP.H, G đưa sợi dây chuyền vàng vừa cướp giật được cho H và L đem bán tại tiệm vàng không nhớ tên trên đường Lê Văn Q thuộc quận B, TP.H được số tiền 24.000.000đ, G chia cho L số tiền 3.000.000đ, số tiền còn lại chia mỗi người được 7.000.000đ. Sau sự việc, anh T không đến cơ quan Công an trình báo, đến ngày 25/02/2022 biết thông tin nên trình báo vụ việc trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 31/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh L kết luận: giá trị 12,6 chỉ vàng 18K của Nguyễn Văn T bị chiếm đoạt là 47.900.160đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 05/12/2021, G điện thoại rủ H và P đi cướp giật tài sản và hẹn gặp nhau trên đường Võ Văn V thuộc xã VL, huyện B. G điều khiển xe môtô loại Exciter (không nhớ biển số) đi một mình, đem theo 01 bình xịt hơi cay và 01 con dao bấm, còn H điều khiển xe môtô loại Exciter chở P. G dẫn đường xuất phát từ đường Võ Văn V ra đường Tỉnh lộ 10, đến thị trấn T, huyện B rồi rẽ vào các tuyến đường thuộc huyện B. Khi đi trên đường Tỉnh ABC thuộc ấp BB, xã T, huyện B (nay là ấp BB T, xã B, tỉnh T) hướng về TP.H thì H thấy anh Nguyễn Thanh S đang chạy xe môtô loại Air Blade màu đỏ, biển số 70B1-913.57 một mình hướng TP.H, trên cổ có đeo sợi dây chuyền trọng lượng 09 chỉ vàng 18K, H chở P vượt lên áp sát bên trái cùng chiều, P dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng của anh S rồi chạy thoát. Khi về đến TP.H, P khai nhận đã cùng H đem sợi dây chuyền vàng vừa cướp giật được bán tại tiệm vàng không nhớ tên trên đường Lê Văn Q thuộc quận B, TP.H được số tiền 8.000.000đ, G chia đều cho mỗi người 2.600.000đ. Sau sự việc, ông S không đến cơ quan Công an trình báo, đến ngày 17/01/2022 biết được thông tin nên trình báo sự việc trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 31/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh L kết luận: giá trị 09 chỉ vàng 18K Nguyễn Thanh S bị chiếm đoạt là 33.371.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 06 giờ ngày 19/12/2021, G điện thoại rủ H, P và L đi cướp giật tài sản. G điều khiển xe môtô loại Exciter (không nhớ biển số) đi một mình, đem theo 01 bình xịt hơi cay và 01 con dao bấm, H điều khiển xe môtô loại Exciter chở P, L điều khiển xe môtô loại Vario màu xanh (không rõ biển số). Cả ba đi từ đường Võ Văn V ra đường Tỉnh lộ XX, đến thị trấn T, huyện B rồi rẽ vào đường tỉnh 830D hướng về huyện B. G chạy trước dẫn đường, đến khu vực Gò Đen thuộc huyện B thì H, P, L đi lạc nhau nên quay về TP. H đợi. Khi đến Ấp 1, xã M, huyện B (nay là Ấp 1 M, xã M, tỉnh T), G thấy anh Nguyễn Phú P, đang chạy xe môtô loại Sirius màu đỏ-đen, biển số 62M1-840.73 một mình trên cổ đeo sợi dây chuyền trọng lượng 12 chỉ vàng 18K chạy về hướng Quốc lộ AA, G liền vượt lên áp sát bên trái cùng chiều, dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng anh P, anh P liền đuổi theo thì G dùng bình xịt hơi cay xịt thẳng về hướng anh P rồi chạy thoát. Khi về đến TP.H, G đưa sợi dây chuyền vàng vừa cướp giật được cho H và L đem bán tại tiệm vàng không nhớ tên trên đường Lê Văn Quới thuộc quận B, TP.H được 21.000.000đ, G chia cho L 3.000.000đ, số tiền còn lại chia mỗi người 6.000.000đ. Sau sự việc, anh P không đến cơ quan Công an trình báo, đến ngày 16/01/2022 biết thông tin nên trình báo sự việc trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 30/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh L kết luận: giá trị 12 chỉ vàng 18K của Nguyễn Phú P bị chiếm đoạt là 44.944.800đ.

Khoảng 06 giờ ngày 16/01/2022, G tiếp tục điện thoại rủ H và P đi cướp giật tài sản, G điều khiển xe môtô loại Exciter gắn biển số giả đi một mình, đem theo 01 bình xịt hơi cay và 01 con dao bấm, H điều khiển xe môtô loại Exciter (không rõ biển số) chở P. Khi cả ba đang chạy xe trên đường BCD đến trước Ủy ban nhân dân xã M thì G bị lực lượng Công an tuần tra, kiểm tra thu giữ 01 bình xịt hơi cay và 01 dao bấm, còn H chở P chạy thoát được. Sau đó L và H bị Công an bắt giữ, P bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra ra quyết định truy tìm đến ngày 25/3/2025 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L (nay là tỉnh T) phát hiện, P thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản.

Tại Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSKV4 ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát khu vực X -T truy tố bị cáo Huỳnh Hữu P về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm a, c, d, đ, h khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Hữu P hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X –T tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hữu P về tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm a, c, d, đ, h khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt: bị cáo Huỳnh Hữu P mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Hữu P

Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 xe môtô loại Exciter màu đen của G mua trên mạng không có giấy tờ, số khung số máy bị đục, sửa không nhìn thấy số và gắn biển số giả 59L2-55493 là phương tiện G sử dụng đi cướp giật tài sản; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số sê ri 1: 355752109197589 và số sê ri 2: 357705101197583 của L dùng liên lạc với G khi tham gia cướp giật tài sản; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, số sê ri 1: 352415908748639 và số sê ri 2:352415909748638 của H dùng liên lạc với G khi tham gia cướp giật tài sản. 01 cái quần Jean dài màu xanh; 01 cái áo Jean màu xanh dài tay là quần áo Trần Trung G mặc khi thực hiện cướp giật tài sản; 01 bình xịt hơi cay; 01 con dao bấm dài 44cm của G chuẩn bị đi cướp giật tài sản. Tiền Việt Nam: 88.000.000đ (trong đó: 50.000.000đ do bà Trần Thị Thu N là cô ruột của G nộp bồi thường; 30.000.000đ của Nguyễn Ngọc L sống như vợ chồng với L nộp bồi thường; 8.000.000đ bà Dương Thị C mẹ ruột H nộp bồi thường).

Đối với vật chứng trên đã được xử lý theo Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh L nên không đề nghị xem xét.

- Tiền Việt Nam 14.000.000đ do Huỳnh Thị Cẩm T là chị ruột của bị cáo P nộp vào tài khoản số 6603203000012 của Công an thị trấn B (nay là Công an xã B) mở tại Agribank Đông L để bồi thường cho các bị hại.

- Đối với xe môtô loại Vario màu xanh của L sử dụng thực hiện hành vi cướp giật tài sản, L khai xe trên mượn của bạn tên P ngoài xã hội đi công việc, không nhớ biển số xe, đã trả lại xe trên và không rõ nhân thân, lai lịch của P, Cơ quan điều tra không thu giữ được xe trên nên không đề nghị xem xét.

- Đối với xe môtô loại Exciter của P sử dụng thực hiện hành vi cướp giật tài sản, P khai đã bán xe trên mạng được khoảng 11.000.000đ, do đã lâu nên không nhớ rõ biển số xe và không rõ nhân thân, lai lịch của người mua, Cơ quan điều tra không thu giữ được xe trên nên không đề nghị xem xét.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường 47.900.160đ, Nguyễn Thanh S yêu cầu bồi thường 33.371.000đ, Nguyễn Phú P yêu cầu bồi thường 44.944.800đ. Theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 65, 66, 67/GXN-THADS cùng ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L thì Trần Trung G, Dương Văn H, Nguyễn Thành L đã bồi thường cho ông T 19.319.453đ, bồi thường cho ông P 18.127.475đ, bồi thường cho ông S 13.459.443đ; số tiền còn lại 28.580.707đ của ông T, 26.817.325đ của ông P, 19.911.557đ của ông S và lãi chậm thi hành án thì Chi cục thi hành án dân sự huyện B đã ra các Quyết định đình chỉ số 23 ngày 08/12/2022, số 26 ngày 14/12/2022 và số 24 ngày 08/12/2022.

- Các bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Phú P không yêu cầu G, H, L bồi thường thêm. Trong vụ án này ông T, S, P yêu cầu bị cáo P bồi thường cho mỗi người 5.000.000đ, tổng cộng 15.000.000đ. Trước tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại có khấu trừ số tiền 14.000.000đ, còn lại 1.000.000đồng buộc bị cáo nộp thêm để bồi thường cho các bị hại.

Đối với hành vi "Cướp giật tài sản" của Trần Trung G, Dương Văn H và Nguyễn Thành L đã được xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh L nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Bị cáo Huỳnh Hữu P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Huỳnh Hữu P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra, phù hợp với Bản ảnh hiện trường, phù hợp với các Bản kết luận về định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG, ngày 31/3/2022; số 25/KL-HĐĐG, ngày 31/3/2022; số 23/KL-HĐĐG, ngày 30/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với nội dung Bản cáo trạng. Trên cơ sở đó có căn cứ xác định:

Từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2021, bị cáo Huỳnh Hữu P, Trần Trung G, Dương Văn H và Nguyễn Thành L cùng bàn bạc, thỏa thuận thống nhất sử dụng 02 xe mô tô loại Exciter (không rõ biển số) của G, của bị cáo P và 01 xe mô tô loại Vario của L đi cướp giật dây chuyền vàng của những người đi đường trên địa bàn huyện B, tỉnh L để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi G chuẩn bị 01 bình xịt hơi cay và 01 con dao bấm để sử dụng khi bị phản kháng hoặc truy đuổi. Bị cáo P cùng G, H và L thực hiện 03 vụ cướp giật với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 126.215.960đ, cụ thể: cướp giật 01 sợi dây chuyền trọng lượng 12,6 chỉ vàng 18K trị giá 47.900.160đ của ông Nguyễn Văn T tại ấp T, xã T (nay là ấp T T, xã B, tỉnh T) vào ngày 21/11/2021; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 09 chỉ vàng 18K trị giá 33.371.000đ của ông Nguyễn Thanh S tại ấp BB, xã T (nay là ấp BB T, xã B, tỉnh T) vào ngày 05/12/2021; 01 dây chuyền trọng lượng 12 chỉ vàng 18K trị giá 44.944.800đ của ông Nguyễn Phú P tại Ấp 1, xã M (nay là Ấp 1 M, xã M, tỉnh T) vào ngày 19/12/2021. Sau khi G bị bắt, bị cáo P bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 25/3/2025 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L (nay là Công an tỉnh T) phát hiện, khởi tố, bắt bị cáo tạm giam.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Huỳnh Hữu P phạm tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung theo quy định tại điểm a, c, d, đ, h khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T truy tố bị cáo Huỳnh Hữu P với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Huỳnh Hữu P gây ra rất nguy hiểm cho xã hội và xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã

hội tại địa phương mà còn có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại. Trong vụ án này bị cáo P cùng với G, H, L có sự bàn bạc thống nhất sử dụng xe có phân phối lớn, chuẩn bị 01 bình xịt hơi cay và 01 con dao bấm để sử dụng khi bị hại phản kháng chống trả lại để tẩu thoát, bị cáo P cùng với G, H, L thực hiện 03 vụ cướp giật tàn sản, trong đó bị cáo P một lần trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, sau khi G, H, L bị bắt thì bị cáo lại bỏ trốn khỏi địa phương. Do đó, hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự; cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Huỳnh Hữu P thực hiện hành vi "phạm tội 02 lần trở lên" thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Hữu P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo có nhân thân tốt, cha tên Huỳnh Tấn L là hội viên hội cựu chiến binh nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị xử phạt tù và mức hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Hữu P là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 xe môtô loại Exciter màu đen của G mua trên mạng không có giấy tờ, số khung số máy bị đục, sửa không nhìn thấy số và gắn biển số giả 59L2-55493 là phương tiện G sử dụng đi cướp giật tài sản; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số sê ri 1: 355752109197589 và số sê ri 2: 357705101197583 của L dùng liên lạc với G khi tham gia cướp giật tài sản; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, số sê ri 1: 352415908748639 và số sê ri 2:352415909748638 của H dùng liên lạc với G khi tham gia cướp giật tài sản. 01 cái quần Jean dài màu xanh; 01 cái áo Jean màu xanh dài tay là quần áo Trần Trung G mặc khi thực hiện cướp giật tài sản; 01 bình xịt hơi cay; 01 con dao bấm dài 44cm của G chuẩn bị đi cướp giật tài sản. Tiền Việt Nam: 88.000.000đ (trong đó: 50.000.000đ do bà Trần Thị Thu N là cô ruột của G nộp bồi thường; 30.000.000đ của Nguyễn Ngọc L sống như vợ chồng với L nộp bồi thường; 8.000.000đ bà Dương Thị C mẹ ruột H nộp bồi thường).

Đối với tiền và vật chứng trên đã được xử lý theo Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh L nên không xem xét.

- Tiền Việt Nam 14.000.000đ do Huỳnh Thị Cẩm T là chị ruột của bị cáo P nộp vào tài khoản số 6603203000012 của Công an thị trấn B (nay là Công an xã B) mở tại Agribank Đông L để bồi thường cho các bị hại.

- Đối với xe môtô loại Vario màu xanh của L sử dụng thực hiện hành vi cướp giật tài sản, L khai xe trên mượn của bạn tên P ngoài xã hội đi công việc, không nhớ biển số xe, đã trả lại xe trên và không rõ nhân thân, lai lịch của P, Cơ quan điều tra không thu giữ được xe trên nên không xem xét.

- Đối với xe môtô loại Exciter của bị cáo P sử dụng thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị cáo P khai đã bán xe trên mạng được khoảng 11.000.000đ, do đã lâu nên không nhớ rõ biển số xe và không rõ nhân thân, lai lịch của người mua, Cơ quan điều tra không thu giữ được xe trên nên không xem xét.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường 47.900.160đ, Nguyễn Thanh S yêu cầu bồi thường 33.371.000đ, Nguyễn Phú P yêu cầu bồi thường 44.944.800đ. Theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 65, 66, 67/GXN-THADS cùng ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L thì Trần Trung G, Dương Văn H, Nguyễn Thành L đã bồi thường cho ông T 19.319.453đ, bồi thường cho ông P 18.127.475đ, bồi thường cho ông S 13.459.443đ; số tiền còn lại 28.580.707đ của ông T, 26.817.325đ của ông P, 19.911.557đ của ông S và lãi chậm thi hành án thì Chi cục thi hành án dân sự huyện B đã ra các Quyết định đình chỉ số 23 ngày 08/12/2022, số 26 ngày 14/12/2022 và số 24 ngày 08/12/2022 nên không xem xét.

Các bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Phú P không yêu cầu G, H, L bồi thường thêm. Trong vụ án này ông T, S, P yêu cầu bị cáo P bồi thường cho mỗi người bị hại 5.000.000đ. Trước tòa bị cáo đồng ý nên buộc bị cáo P bồi thường cho các bị hại mỗi người 5.000.000đồng có khấu trừ số tiền chị Huỳnh Thị Cẩm T đã nộp 14.000.000đ, bị cáo còn nộp tiếp 1.000.000đồng để thi hành án cho các bị hại.

[9]. Đối với hành vi "Cướp giật tài sản" của Trần Trung G, Dương Văn H và Nguyễn Thành L đã được xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh L nên không xem xét.

[10].Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Huỳnh Hữu P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hữu P phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Căn cứ điểm a, c, d, đ, h khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự Xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Hữu P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 28/3/2025.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Huỳnh Hữu P 45 ngày kể từ ngày tuyên án (12/8/2025) để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Huỳnh Hữu P bồi thường cho các bị hại:

- Ông Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ

- Nguyễn Thanh S số tiền 5.000.000đ

- Nguyễn Phú P số tiền 5.000.000đ

Tổng cộng bị cáo P bồi thường cho các bị hại số tiền 15.000.000đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 14.000.000đ do Thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo ủy nhiệm chi ngày 28/7/2025. Bị cáo P còn phải nộp tiếp 1.000.000đồng để thi hành án cho các bị hại.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo Huỳnh Hữu P nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

5. "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh T;
- VKSND Khu vực X;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T;
- Thi hành án dân sự tỉnh T;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thảnh